

**KẾ HOẠCH**

**Khắc phục những hạn chế, yếu kém trong lĩnh vực văn hóa – xã hội nêu tại báo cáo chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015-2020**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016-2020;

Căn cứ Đề cương số 01-ĐC/TU ngày 16/11/2015 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Hà Giang về các giải pháp khắc phục những hạn chế yếu kém trong lĩnh vực Văn hóa - Xã hội nêu tại báo cáo chính trị Đại hội đại biểu lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016-2020;

Thực hiện Chương trình số 74/CTr-UBND, ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về chương trình hành động của UBND tỉnh Hà Giang thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XVI của Đảng bộ tỉnh Hà Giang nhiệm kỳ 2016-2020;

Thực hiện Kết luận số 51-KL/BTG ngày 24/7/2017 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang xây dựng Kế hoạch tổng thể khắc phục những hạn chế yếu kém trong lĩnh vực văn hóa – xã hội nêu tại báo cáo chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2015 - 2020) như sau:

**I. THỰC TRẠNG SAU 2 NĂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM**

**1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo**

Chỉ đạo tập trung tuyên truyền, triển khai việc học tập Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Chỉ thị 26/CT-TTg, ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan và toàn ngành giáo dục; Chỉ thị 505/CT-BGDĐT, ngày 20/02/2017 của Bộ GDĐT về tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn trong các cơ sở giáo dục gắn với phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” trong các cơ sở giáo dục và đào tạo;

Triển khai có hiệu quả Đề án Tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc con người Hà Giang đến năm 2030; thực hiện tốt phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, tạo môi trường văn hóa lành mạnh; nâng cao hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch và gia đình.

Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung về an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc thực phẩm; công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em; khắc phục tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống. Triển khai các giải pháp y tế, chăm sóc sức khỏe góp phần giảm nghèo nâng cao đời sống nhân dân.



Tăng cường hoạt động truyền thông phòng chống suy dinh dưỡng; tổ chức hướng dẫn nhân dân các biện pháp cải thiện chế độ suy dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, nâng cao năng lực quản lý, điều hành, nêu cao tinh thần trách nhiệm, đặc biệt trong lĩnh vực nghiên cứu, tham mưu, đề xuất xây dựng dự thảo các văn bản quy phạm pháp luật, quản lý nhà nước trình Ban chấp hành Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

## **2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên thực thi công vụ**

Xây dựng cán bộ lãnh đạo quản lý giai đoạn 2017-2020, giai đoạn 2021-2026 và Quy hoạch cấp ủy 2020 -2025 trong khối văn hóa – xã hội.

Bố trí, sắp xếp hợp lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý các trường phổ thông nói chung, các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú nói riêng. Bổ sung giáo viên có trình độ chuyên môn giỏi, có tâm huyết với giáo dục dân tộc cho các trường phổ thông dân tộc nội trú, phổ thông dân tộc bán trú. Rà soát, đánh giá hiện trạng đội ngũ, khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực trong toàn ngành. Xây dựng quy hoạch phát triển nguồn nhân lực cho từng ngành học, cấp học, từng môn học hợp lý đúng nhu cầu, vị trí việc làm phù hợp với từng người.

Đào tạo nâng cao năng lực cán bộ y tế, cộng tác viên dân số ở cơ sở. Bổ sung đội ngũ cô đỡ thôn, bản người dân tộc thiểu số tại các vùng khó khăn góp phần thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. Chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, lập kế hoạch và triển khai cử cán bộ chuyên môn luân phiên về hỗ trợ các bệnh nhân tuyến dưới; bố trí đủ nhân lực, cơ cấu hợp lý cho y tế cơ sở; tranh thủ các nguồn lực cho công tác đào tạo. Triển khai tại trạm y tế xã mô hình bác sỹ gia đình tham gia chăm sóc sức khỏe tại cơ sở hoạt động theo nguyên lý y học gia đình;

Sáp nhập Ban quản lý Công viên địa chất Toàn cầu CND Đồng Văn và Trung tâm thông tin xúc tiến Du lịch thành Ban quản lý Công viên địa chất và thông tin Xúc tiến Du lịch trực thuộc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Tổ chức sắp xếp lại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội thành: Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh và Trung tâm nuôi dưỡng và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Hà Giang; sáp nhập Trung tâm Bảo trợ xã hội và Trung tâm Công tác xã hội trẻ em thành Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hà Giang; Xây dựng Đề án sáp nhập Trung tâm GDNN- GDTX huyện Bắc Quang vào trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú Bắc Quang thành trường Trung cấp dân tộc nội trú - GDTX; sáp nhập trường trung cấp Kinh tế kỹ thuật vào trường Cao đẳng nghề và đổi tên thành trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ Hà Giang.

## **3. Đổi mới nâng cao chất lượng và tổ chức hoạt động**

Đổi mới hình thức, biện pháp, cách thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho nhân dân, nhất là đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn những kiến thức về tầm quan trọng của giáo dục đào tạo, qua đó góp phần nâng cao tỷ lệ học sinh các cấp đi học và duy trì tốt sĩ số học sinh tại các cơ sở giáo dục.

Đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục theo hướng khoa học, hiện đại; tăng cường phương pháp hoạt động nhóm; các



phương pháp tìm tòi, điều tra, giải quyết vấn đề; dạy học tương tác, dạy học theo dự án. Dạy học và kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh, kết hợp ra đề trắc nghiệm và tự luận; dạy học các môn khoa học tự nhiên bằng tiếng Anh đối với trường THPT Chuyên và các trường có điều kiện.

Xây dựng các chương trình nghệ thuật mới, phát động Ngày chạy Olympic vì sức khỏe nhân dân năm 2017; Rà soát đánh giá chất lượng hoạt động các làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới theo tiêu chí Panhou. Trong năm đã công nhận 06 làng văn hóa đạt tiêu chí<sup>1</sup>. Chú trọng quảng bá xúc tiến du lịch; trưng bày, quảng bá giới thiệu văn hóa và các sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các Lễ, hội, sự kiện; ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác với hiệp hội du lịch các tỉnh, các doanh nghiệp về đầu tư và phát triển du lịch. Tham gia chương trình phát động thị trường tại Nhật Bản. Tổ chức thành công Không gian trưng bày văn hóa, du lịch và các sản phẩm đặc trưng các dân tộc tỉnh Hà Giang tại Hà Nội, Lễ hội tam giác mạch lần thứ 3 năm 2017.

Tiếp tục kiện toàn hệ thống y tế ở địa phương; củng cố và kiện toàn lại và nâng cao vai trò trách nhiệm của Ban chăm sóc sức khỏe nhân dân. Triển khai học tập quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế; “Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”; tăng cường Bác sỹ luân phiên về công tác tại xã; quản lý, giám sát bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; Tỷ suất sinh thô, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên đã giảm, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên tiếp tục được kiểm soát, chất lượng dân số đã có nhiều cải thiện.

Đổi mới công tác giải quyết việc làm cho người lao động, thành lập Đoàn công tác đi khảo sát thị trường lao động tại các tỉnh; Ký kết biên bản cung ứng lao động với các tỉnh<sup>2</sup>; ký kết Thỏa thuận hợp tác về quản lý lao động qua biên giới giữa tỉnh Hà Giang, Việt Nam với thành phố Bách Sắc và Châu Văn Sơn, Trung Quốc. Chỉ đạo trường Cao đẳng Nghề phối hợp với Công ty Cổ phần hỗ trợ công nghiệp phụ trợ Nhật - Việt chuẩn bị cơ sở vật chất, chương trình, giáo trình đào tạo nghề theo thỏa thuận.

Triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2017 kết hợp với việc xác định hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh.

#### **4. Ưu tiên nguồn lực tài chính, ban hành cơ chế chính sách**

Thực hiện triệt để công tác phân cấp quản lý về giáo dục, văn hóa, y tế, lao động xã hội, tăng cường tốt vai trò tự chủ về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao vị trí, vai trò trách nhiệm của người đứng đầu; Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với các đối tượng thụ hưởng đặc biệt là các đối tượng ở vùng đặc biệt khó khăn.

Chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp ưu tiên các nguồn lực tài chính, lồng ghép các nguồn lực để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng mức tối thiểu cho các nhà trường, cơ sở giáo dục ở vùng đặc biệt khó khăn.

<sup>1</sup> Thôn tri xã Xuân Giang, Thôn Nà Ràng xã Khuôn Lùng, Thôn Lũng Cầm Trên xã Sùng Là; Thôn Lâm Đồng xã Phương Thiện, Thôn Hạ Thành xã Phương Độ, Thôn Phìn Hồ xã Thông Nguyên.

<sup>2</sup> Hải Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thái Nguyên



Triển khai thực hiện tốt các đề án: Đưa kỹ năng sống và văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số vào trường học trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Đề án chuyển học sinh tiểu học từ các điểm trường về học tại trường chính; Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn Quốc gia; Kế hoạch xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; Kế hoạch “Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến 2025” trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Đề không ngừng nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và cung ứng các dịch vụ y tế, UBND tỉnh ban hành Đề án về đào tạo nguồn nhân lực, quyết định nâng hạng, tăng giường bệnh cho các bệnh viện có đủ điều kiện<sup>3</sup>. Chỉ đạo các đơn vị y tế trong toàn tỉnh đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, áp dụng sáng kiến trong khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe. Tổ chức các Hội nghị chuyên đề nghiên cứu khoa học cấp Ngành, cấp cơ sở về lĩnh vực y, dược. Tăng cường đầu tư có hiệu quả các trang thiết bị kỹ thuật tiên tiến hiện đại và ứng dụng khoa học công nghệ để phục vụ tốt cho công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân; đẩy nhanh triển khai và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành y tế cơ sở; tăng cường luân phiên cán bộ y tế đồng thời đưa nhiều hơn các dịch vụ kỹ thuật về tuyến xã.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt các Đề án như: Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Hà Giang đến năm 2020; Quy hoạch quảng cáo ngoài trời trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch, khu du lịch quốc gia Cao nguyên đá Đồng Văn đến 2020, tầm nhìn 2030; Quy hoạch đầu tư phát triển du lịch CVĐC toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn và thành phố Hà Giang; Đề án phát triển nguồn nhân lực du lịch tỉnh Hà Giang đến năm 2025. Triển khai có hiệu quả quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hà Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; đề án xúc tiến quảng bá du lịch tỉnh Hà Giang; đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Hà Giang. Quy hoạch phát triển ngành Lao động - Thương binh và xã hội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo. Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân, đặc biệt là bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, người dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế; thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc chương trình mục tiêu y tế - dân số; đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền vận động nhân dân và các bà mẹ trong việc chăm sóc và nuôi dạy trẻ.

Thực hiện đồng bộ các chính sách, chương trình giải quyết việc làm gắn với thị trường lao động; thúc đẩy chuyển dịch việc làm khu vực nông thôn theo hướng phi nông nghiệp. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các chính sách, chương trình, dự án, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm, xuất khẩu lao động.

## **5. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa**

Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 26/7/2017 về đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo trên địa bàn

<sup>3</sup> Quyết định số 445/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc phê duyệt Đề án đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 431/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc xếp lại hạng, nâng hạng đối với 16 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế năm 2017; Quyết định 1732/QĐ-UBND, ngày 09/8/2016 của UBND tỉnh về việc xếp hạng lần đầu, nâng hạng, xếp hạng lại đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế; Quyết định số 41/QĐ-UBND, ngày 21/01/2016 của UBND tỉnh về xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế Hà Giang; Quyết định số 906/QĐ-UBND, ngày 24/5/2017 của UBND tỉnh Hà Giang về việc tăng chỉ tiêu giường bệnh đối với một số bệnh viện trực thuộc Sở Y tế năm 2017;



tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 26/7/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hà Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Các cấp quản lý giáo dục chủ động trong việc tìm kiếm, huy động sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục và đào tạo, hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh nghèo... như xây dựng phòng học, phòng công vụ, nhà lưu trú cho học sinh, các trang thiết bị phục vụ học tập và sinh hoạt của học sinh.

Tăng cường tuyên truyền vận động trong các tầng lớp nhân dân về công tác xã hội hóa giáo dục, qua đó từng bước huy động các nguồn lực sẵn có trong dân để củng cố và phát triển cơ sở vật chất cho các nhà trường và cơ sở giáo dục góp phần đảm bảo điều kiện cho các hoạt động dạy - học, lưu trú cho học sinh, giáo viên để nâng cao chất lượng giáo dục

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa thể dục thể thao, vận động các tổ chức, cá nhân đơn vị đầu tư xây dựng cơ sở vật chất phục vụ luyện tập và thi đấu thể dục thể thao<sup>4</sup>.

Xây dựng mới nhà văn hóa cấp xã, thôn theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, đảm bảo điều kiện, cơ sở vật chất tại nhà văn hóa, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần của nhân dân.

## **II. MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM**

### **1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

#### **1.1. Mục tiêu**

- Nâng cao chất lượng giáo dục:

+ 100% các đơn vị trường học thực hiện có hiệu quả đổi mới phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

+ 100% cán bộ, giáo viên được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, ứng dụng hiệu quả CNTT trong dạy học, quản lý giáo dục, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

+ Tỷ lệ học sinh 11-14 tuổi đến trường đạt 95% dân số trong độ tuổi.

+ Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt từ 90% trở lên, tốt nghiệp THCS đạt từ 98% trở lên.

+ 90% trở lên các đơn vị trường học thực hiện hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh.

+ 100% học sinh tiểu học có kỹ năng cơ bản trong việc sử dụng tiếng Việt để hoàn thành chương trình giáo dục giáo dục cấp tiểu học.

+ Tỷ lệ học sinh tiểu học hoàn thành chương trình lớp học trong các năm học đạt 98%.

+ Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 đạt 99,5%.

---

<sup>4</sup> . Bao gồm: 5 sân bóng đá cỏ nhân tạo, 13 sân quần vợt, 6 bể bơi, 12 nhà luyện tập, 1.620 điểm, nhóm tập luyện thể thao.



- Duy trì 195/195 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học từ mức II trở lên; đến năm 2020 không còn tình trạng học sinh ở vùng sâu, vùng xa học phổ cập không đọc thông viết thạo (*mỗi năm giảm 1-2%*).

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng của trường THPT Chuyên tỉnh. Phân đầu mỗi huyện, thành phố đến năm 2020 có 01 trường Tiểu học hoặc THCS được xây dựng theo mô hình trường chất lượng cao (*tính đến 7/2017 trên địa bàn toàn tỉnh đã có 04 trường Tiểu học và THCS thực hiện mô hình trường, lớp chất lượng cao*).

## **1.2. Giải pháp**

*1.2.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức sâu sắc của các cấp về vai trò của giáo dục và đào tạo trong việc khắc phục những hạn chế, yếu kém*

Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW; Chương trình số 104 – CTr/TU ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh Hà Giang (khóa XV); Kế hoạch số 198/KH-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh Hà Giang về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, phân công và sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên yêu nghề, tâm huyết với nghề, gắn bó với nhà trường và học sinh; đồng thời chấn chỉnh nghiêm túc việc thực quy chế chuyên môn, nghiệp vụ; xác định xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo là trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu; huy động các nguồn lực xã hội cùng tham gia vào sự phát triển giáo dục và đào tạo phù hợp với từng địa phương.

Tăng cường công tác tuyên truyền về ý nghĩa, tầm quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục của tỉnh, đáp ứng được yêu cầu về nguồn nhân lực cho xã hội hiện nay, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn.

*1.2.2. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp trong quản lý nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém*

UBND cấp huyện quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học đảm bảo có đủ phòng học (*hạn chế tối đa tình trạng học nhờ, học tạm, học ghép, quá tải số lượng học sinh*), thực hiện Đề án chuyển học sinh tiểu học từ các điểm trường về học tại trường chính trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

Tiếp tục thực hiện quyết liệt các giải pháp duy trì sĩ số học sinh, giảm tình trạng học sinh bỏ học, tỷ lệ học sinh không chuyên cần. Chỉ đạo UBND huyện/thành phố huy động các lực lượng, các tổ chức tổ chức chính trị - xã hội, tăng cường trách nhiệm của cấp chính quyền cơ sở trong việc vận động duy trì sĩ số học sinh.

Ngành giáo dục và đào tạo phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền các huyện/thành phố trong công tác đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo việc giáo dục nhân cách, kỹ năng sống cho học sinh nhằm kịp thời phát hiện, nhân rộng những mô hình, cách làm hay, hiệu quả.

Giáo viên chủ nhiệm lớp chủ động nắm bắt tình hình, đặc điểm, hoàn cảnh gia



đình của từng học sinh; chủ động liên hệ chặt chẽ với phụ huynh học sinh, huy động phụ huynh học sinh tham gia vào các hoạt động của nhà trường, lớp học. Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường (Công đoàn, Đoàn thanh niên...) chủ động liên hệ, phối hợp chặt chẽ với Cấp ủy, chính quyền các xã, phường tăng cường chỉ đạo đến từng thôn, bản để vận động phụ huynh học sinh, các trưởng thôn, bản để thực hiện công tác giáo dục học sinh.

*1.2.3. Đẩy mạnh việc đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên*

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, tự lực, sáng tạo của học sinh; tăng cường kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên về đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường trách nhiệm quản lý của Ban giám hiệu nhà trường, nhất là Hiệu trưởng.

Đẩy mạnh thực hiện sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học, tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lý giáo dục; tiếp tục phát triển mô hình thư viện như: thư viện ngoài trời, thư viện xanh, thư viện trong lớp học, thư viện trong các phòng lưu trú của học sinh bàn trú, tổ chức hướng dẫn đọc sách cho học sinh, thành lập các câu lạc bộ cho học sinh tham gia tạo sân chơi lành mạnh, bổ ích. Tăng cường xây dựng, cải tạo cảnh quan nhà trường theo quy định về tiêu chuẩn xanh - sạch - đẹp, an toàn, thân thiện.

Chú trọng bồi dưỡng học sinh khá, giỏi tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Ngành giáo dục, các cấp thường xuyên kiểm tra thực tế tại các lớp học về chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh. Kiểm tra trực tiếp học sinh về kỹ năng đọc, viết, sách giáo khoa, vở ghi, đồ dùng học tập của học sinh (đủ, thiếu).

*1.2.4. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách và huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho sự nghiệp phát triển của giáo dục*

Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ chính sách của nhà nước đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên; thực hiện các chính sách thu hút, ưu đãi (đặc biệt đối với các thầy, cô giáo công tác ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn) để phát triển đội ngũ cán bộ, giáo viên; xây dựng kế hoạch tuyển dụng, bổ sung đội ngũ giáo viên có năng lực, đủ về số lượng, chuẩn về trình độ, vững vàng về chuyên môn, tâm huyết với nghề.

Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực để củng cố và phát triển cơ sở vật chất cho các trường đảm bảo điều kiện cho các hoạt động dạy - học, đặc biệt các cơ sở giáo dục mầm non tại các điểm trường có phòng học nhờ, phòng học tạm và các lớp quá tải về số lượng học sinh theo quy định của Điều lệ để đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non khi đến trường, đến lớp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Tiếp tục giữ các mối quan hệ với các tổ chức kinh tế, xã hội, các đơn vị giáo dục trong và ngoài tỉnh nhằm kêu gọi, vận động các nguồn lực tài trợ học bổng cho



học sinh, sinh viên, giáo viên có thành tích xuất sắc, có nhiều đóng góp cho sự nghiệp giáo dục của tỉnh (đặc biệt vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn).

## **2. Lĩnh vực y tế**

### **2.1. Mục tiêu**

- Duy trì số lượt KCB chung/dân số đạt  $\geq 1,3$  lượt; Thực hiện tốt việc phân loại và thu dung điều trị cho bệnh nhân nội trú tại tuyến cơ sở nhằm giảm tải cho y tế tuyến trên; Tiếp tục bổ sung thêm các danh mục kỹ thuật cho y tế cơ sở, đảm bảo y tế xã thực hiện  $\geq 70\%$  danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt;

- Không có vụ ngộ độc thực phẩm hàng loạt (Từ  $\geq 30$  người mắc/vụ); Phần đầu tỷ lệ mắc ngộ độc thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh  $< 10/100.000$  dân;

- Giảm tỷ suất sinh thô hàng năm bình quân từ 0,4 đến 0,5‰/năm; tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm xuống còn 11%; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm xuống còn 1,42‰;

- Giảm tỷ lệ trẻ em  $< 5$  tuổi bị suy dinh dưỡng còn  $\leq 18,0\%$  (thể cân nặng/tuổi) và  $\leq 32,0\%$  (thể chiều cao/tuổi); Đảm bảo  $> 90\%$  trẻ em  $< 5$  tuổi bị suy dinh dưỡng nặng được nhận các can thiệp dinh dưỡng khẩn cấp,  $> 90\%$  trẻ dưới 5 tuổi được theo dõi biểu đồ tăng trưởng định kỳ;

- Tiếp tục nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của xã hội, cộng đồng và đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình góp phần ngăn ngừa làm giảm tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Giảm bình quân từ 2% - 3%/năm số cặp tảo hôn và 3% - 5%/năm số cặp kết hôn cận huyết thống đối với các địa bàn dân tộc thiểu số có tỷ lệ tảo hôn, kết hôn cận huyết thống cao.

### **2.2. Giải pháp**

*2.2.1. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là tuyến cơ sở*

- Thường xuyên rà soát, củng cố và kiện toàn Ban chăm sóc sức khỏe nhân dân các cấp (trong đó: có giao nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên); tiếp tục kiện toàn hệ thống mạng lưới y tế tuyến cơ sở theo quy định của Nhà nước.

- Tiếp tục triển khai lộ trình của kế hoạch BHYT toàn dân đến năm 2020, đặc biệt quan tâm đến việc phát triển và cấp thẻ BHYT cho các đối tượng thu nhập thấp, các đối tượng dễ bị tổn thương khác;

- Hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn các quy chế, quy trình chuyên môn trong khám chữa bệnh, quy chế về sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, chăm sóc người bệnh toàn diện, chống nhiễm khuẩn, xử lý rác thải bệnh viện; thực hiện tốt việc quản lý và cấp chứng chỉ hành nghề y dược tư nhân; Tăng cường giáo dục y đức, thực hiện xử phạt khắc phục hậu quả đối với các trường hợp vi phạm đạo đức nghề nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ trong khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; tổ chức triển khai thực hiện các mô hình chăm sóc người bệnh toàn diện.



- Thực hiện tốt quy tắc ứng xử và tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; Đảm bảo các chế độ cho khám chữa bệnh BHYT và trẻ em < 6 tuổi, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số...; Đẩy mạnh tiến độ triển khai thực hiện Bộ Tiêu chí đánh giá chất lượng Bệnh viện theo Quyết định 6858/QĐ-BYT của Bộ Y tế; Tiếp tục rà soát và đề nghị bổ sung giường bệnh theo kế hoạch cho các bệnh viện tuyến huyện;

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung của Quyết định số 793/QĐ-UBND, ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án “Bác sĩ gia đình và mô hình phòng khám bác sĩ gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017 - 2020”; Kế hoạch số 122/KH-UBND, ngày 27/4/2017 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2017-2020.

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc cử cán bộ có trình độ chuyên môn tham gia luân phiên về hỗ trợ các Bệnh viện tuyến dưới và tuyến xã; Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, cơ cấu hợp lý cho y tế cơ sở; Tiếp tục tranh thủ các nguồn lực cho đào tạo, đào tạo lại cho y tế cơ sở cả về chuyên môn và lý luận chính trị; triển khai mô hình bác sĩ gia đình tham gia chăm sóc sức khỏe tại cơ sở hoạt động theo nguyên lý y học gia đình dựa trên nòng cốt Trạm y tế xã; tiếp tục khuyến khích phát triển y tế tư nhân trên địa bàn tỉnh tạo sự cạnh tranh lành mạnh trong công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được tốt hơn.

- Tiếp tục thực hiện các Đề án liên kết, đào tạo có địa chỉ Bác sĩ, Dược sĩ hệ tập trung tại Trường Đại học Y - Dược; Đẩy mạnh việc cử cán bộ đi đào tạo sau Đại học chuyên sâu về các lĩnh vực KCB, YTDP, y tế cộng đồng...

- Rà soát, bổ sung các danh mục kỹ thuật cho y tế cơ sở, đồng thời có kế hoạch cung cấp trang thiết bị y tế thiết yếu và hiện đại để góp phần thực hiện tốt việc cung ứng các dịch vụ y tế có chất lượng tốt hơn cho người dân trong tỉnh.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt và đầy đủ các nội dung hoạt động theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT, ngày 15/7/2016 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai cơ sở y tế “Xanh - sạch - đẹp”.

#### *2.2.2. Giám sát, quản lý tốt về ATVSTP và phòng chống ngộ độc*

- Ủy ban nhân dân các cấp, các sở, ban, ngành, đoàn thể tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh đến công tác bảo đảm ATTP; Các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh tiếp tục bổ sung thêm thời lượng tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo lĩnh vực ATTP đến mọi tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động có hiệu quả của các Ban Chỉ đạo liên ngành an toàn thực phẩm từ tỉnh đến các xã, phường, thị trấn do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trực tiếp làm nhiệm vụ Trưởng ban.

- Các ngành xây dựng quy chế phối hợp và tổ chức, hướng dẫn các cơ sở thực phẩm ký cam kết theo phân công nhiệm vụ quản lý. Tiếp tục xây dựng các chuyên mục về ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm... trên báo, đài, Cổng thông tin điện



tử giúp cho mọi người dân có thể nắm bắt đầy đủ hơn các thông tin về an toàn thực phẩm và phòng chống ngộ độc. Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn cập nhật kiến thức về ATTP cho các đối tượng, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh kiểm tra, giám sát, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về ATTP, đặc biệt là thanh tra, kiểm tra đột xuất.

- Xây dựng phương án bổ sung kinh phí cho công tác ATTP, đặc biệt ưu tiên cho công tác tuyên truyền, thanh kiểm tra, kiểm nghiệm, trang thiết bị kỹ thuật, xử lý tiêu hủy thực phẩm không an toàn và khen thưởng cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác đảm bảo chất lượng vệ sinh ATTP.

*2.2.3. Duy trì mức giảm sinh hợp lý, giữ ổn định tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tiếp tục phấn đấu để giảm mạnh tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên*

- củng cố, kiện toàn lại Ban Chỉ đạo công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình các cấp trong tỉnh. Tổ chức thực hiện các giải pháp để ổn định tổ chức bộ máy cán bộ làm công tác DS-KHHGĐ các cấp trong tỉnh theo Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 11/12/2016 của HĐND tỉnh Hà Giang.

- Xây dựng và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm. Thực hiện tốt các hoạt động kiểm tra, giám sát và đánh giá công tác DS-KHHGĐ theo quy định. Tiếp tục kiện toàn và củng cố tổ chức bộ máy làm công tác DS- KHHGĐ. Từng bước nâng cao năng lực và tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ Trung tâm DS- KHHGĐ và cán bộ DS- KHHGĐ cấp xã, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao;

- Tăng cường các hoạt động truyền thông về dân số - kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là công tác tuyên truyền vận động nhân dân trong toàn tỉnh thực hiện tốt các chính sách về dân số nhằm nâng cao chất lượng và để ổn định về quy mô dân số, giảm tỷ lệ sinh con thứ ba và tăng tỷ lệ các cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai mới, hiện đại, an toàn;

- Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp và mỗi người dân trong tỉnh về những hệ lụy to lớn trước mắt và lâu dài của mất cân bằng giới tính khi sinh, qua đó tạo điều kiện, tiền đề để không chế có hiệu quả tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh góp phần làm giảm tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên.

*2.2.4. Thực hiện tốt các hoạt động nhằm giảm mạnh tỷ lệ trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng*

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp. Đẩy mạnh công tác truyền thông vận động, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của công tác dinh dưỡng cho các cấp lãnh đạo, các cán bộ quản lý để đưa các chỉ tiêu về dinh dưỡng vào chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của từng địa phương và Nghị quyết của Đảng, Hội đồng nhân dân các cấp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu về dinh dưỡng hàng năm.

- Tổ chức các hoạt động tư vấn, truyền thông về dinh dưỡng bao gồm các thông tin: chế độ dinh dưỡng, nghỉ ngơi, bổ sung viên sắt/ viên đa vi chất phòng chống thiếu máu thiếu sắt trong quá trình thai nghén; Phổ biến và thực hiện tốt phác



đồ điều trị suy dinh dưỡng nặng trong các cơ sở điều trị nhi khoa trên địa bàn và tại cộng đồng. Tổ chức tập huấn cho các đối tượng tại cộng đồng và trường học với sự tham gia của phụ nữ có thai, nuôi con nhỏ, nữ thanh niên, giáo viên và học sinh...

- Hàng năm tổ chức các chiến dịch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm tạo mối quan tâm và thúc đẩy thay đổi thái độ, nhận thức và hành vi của toàn xã hội đối với công tác dinh dưỡng nói chung và phòng chống SDD cho trẻ em < 5 tuổi, thiếu vi chất dinh dưỡng, phòng chống thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính không lây có liên quan đến dinh dưỡng.

- Xây dựng những câu lạc bộ dinh dưỡng tại cộng đồng để chia sẻ kinh nghiệm chăm sóc dinh dưỡng nhằm nâng cao kiến thức và thực hành dinh dưỡng cho bà mẹ và người dân vì sự phát triển của thai nhi và trẻ em.

- Xây dựng các chương trình, sản xuất các sản phẩm truyền thông về dinh dưỡng hợp lý và vận động, phòng chống suy dinh dưỡng nhẹ cân, thấp còi, phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng, phòng chống thừa cân - béo phì trên các kênh truyền thông đại chúng và các hoạt động tư vấn, truyền thông trực tiếp cho các nhóm đối tượng.

- Tiếp tục tăng cường nguồn lực cho chương trình dinh dưỡng trong đó chú trọng công tác phòng chống SDD cho trẻ em < 5 tuổi cả về cân nặng và chiều cao. Dự phòng thừa cân - béo phì và các bệnh mạn tính liên quan đến dinh dưỡng. Quản lý và điều phối có hiệu quả nguồn lực tài chính, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng trong chăm sóc dinh dưỡng cho mọi người dân.

- Phối hợp nghiên cứu xây dựng các mô hình can thiệp phòng chống yếu tố nguy cơ góp phần kiểm soát các vấn đề dinh dưỡng nảy sinh trên địa bàn tỉnh. Xây dựng và phát triển mạng lưới dịch vụ, tư vấn và phục hồi dinh dưỡng cộng đồng.

#### *2.2.5. Tuyên truyền, vận động nhằm giảm thiểu tỷ lệ tảo hôn và kết hôn cận huyết*

- Trên cơ sở Kế hoạch số 253/KH-UBND, ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Hà Giang về việc Tuyên truyền, phổ biến về tảo hôn và hôn nhân cận huyết trên địa bàn tỉnh, các ngành căn cứ chức năng nhiệm vụ đã được phân công để tổ chức triển khai thực hiện.

### **3. Lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch**

#### **3.1. Mục tiêu**

- Triển khai dự án “Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia” và “Phục dựng, bảo tồn một số lễ hội dân gian truyền thống các dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang”, giai đoạn 2017 - 2020 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1244/QĐ-UBND ngày 04/7/2017.

- Bảo tồn, phục dựng và lập hồ sơ khoa học từ 3 - 5 di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu có giá trị của đồng bào các dân tộc thiểu số trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét, đưa vào danh mục DSVHPVT quốc gia.

- Triển khai bảo tồn, phục dựng một số lễ hội văn hóa truyền thống của dân tộc Mông: Lễ hội Gầu Tào, Lễ cầu mưa, cầu mưa thuộc Đề án số 09 của Tỉnh ủy về



“Bảo tồn, khôi phục, phát huy giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc Mông trên địa bàn tỉnh Hà Giang” giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2030.

- Toàn tỉnh có 60% xã có Nhà văn hóa - thể thao, trong đó được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em; mỗi năm mỗi huyện, thành phố phấn đấu xây dựng mới 02 Nhà văn hóa – Thể thao.

- Toàn tỉnh có 70% thôn, bản có nhà văn hóa – khu thể thao, trong đó được đầu tư trang thiết bị và dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em; Mỗi năm mỗi huyện, thành phố phấn đấu xây dựng được mới được 7 nhà văn hóa thôn.

- Đầu tư nâng cấp Nhà văn hóa đa năng của tỉnh phục vụ nhu cầu hưởng thụ văn hóa của người dân.

- Xây dựng mới 03 sản phẩm du lịch có chất lượng và tính khả thi cao (du lịch mạo hiểm, du lịch tâm linh, du lịch cộng đồng đa trải nghiệm). Phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù, kêu gọi đầu tư xây dựng 01 khách sạn siêu sang, 03 khách sạn quy mô 4 sao.

### **3.2. Nhiệm vụ**

#### **3.2.1. Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, quản lý lễ hội**

Thu hút và khuyến khích các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh, ngoài nước đầu tư tôn tạo các di tích và tham gia hoạt động tổ chức lễ hội. Bảo tồn có chọn lọc các giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc trong lễ hội, loại bỏ dần các yếu tố lạc hậu, xây dựng thêm các tiêu chí văn hóa mới phù hợp. Tiến hành rà soát phân loại lễ hội, tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu để việc tổ chức lễ hội, ngày càng khoa học, có ý nghĩa. Phục hồi những trò chơi dân gian truyền thống, coi trọng tính đặc thù, độc đáo của mỗi loại hình lễ hội. Khôi phục, giữ lại nét riêng của mỗi lễ hội, gắn với truyền thống của mỗi vùng, miền. Khai thác nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân, đóng góp cho việc giữ gìn di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể liên quan đến lễ hội; khuyến khích sự sáng tạo của nhân dân trong các hoạt động văn hóa lễ hội.

Tổ chức các hội thi, hội diễn, liên hoan dân ca, dân vũ, dân nhạc. Tổ chức ngày hội văn hóa, thể thao các dân tộc trên địa bàn, ngày đại đoàn kết; dàn dựng thành các tiết mục biểu diễn, giao lưu, phục vụ nhân dân và khách du lịch tại các lễ hội, khu điểm du lịch. Tổ chức các hội thi tìm hiểu về giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội tại địa phương.

Bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội thông qua đội ngũ nghệ nhân, người có uy tín trong cộng đồng am hiểu sâu sắc về văn hoá tộc người có nhiều năm sinh sống trên địa bàn. Đây là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, cộng tác trong công tác bảo tồn văn hóa truyền thống của lễ hội trên địa bàn, đồng thời bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa các dân tộc.

#### **3.2.2. Phát triển hệ thống các thiết chế văn hóa ở cơ sở**



Hàng năm xây dựng kế hoạch hỗ trợ tu bổ, sửa chữa hệ thống các thiết chế văn hóa cơ sở đã xuống cấp. Tăng cường công tác tập huấn cho cán bộ làm văn hóa, đặc biệt là cán bộ ở cấp cơ sở. Đồng thời xây dựng cơ chế lồng ghép, phối hợp giữa phong trào xây dựng đời sống văn hóa với chương trình mục đích quốc gia xây dựng nông thôn mới, cụ thể với 02 tiêu chí liên quan đến xây dựng Nhà văn hóa, khu thể thao xã và Nhà văn hóa, khu thể thao thôn.

Hoàn thiện đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa - thể thao cấp huyện và các xã, thị trấn theo quy hoạch với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm gắn với xây dựng nông thôn mới và thực hiện “thôn tự chủ tự quản”. Phát huy hiệu quả hoạt động của nhà văn hóa cộng đồng thôn như: Liên hoan, hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, thi đấu các môn thể thao ở nông thôn, tạo điều kiện để người dân địa phương tham gia các hoạt động sáng tác và biểu diễn nghệ thuật dân gian truyền thống; là nơi sinh hoạt, trao đổi kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp, các chương trình tuyên truyền về đề tài nông nghiệp, nông dân, nông thôn; đồng thời đáp ứng những nhu cầu sinh hoạt văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Đầu tư xây dựng các sân luyện tập và thi đấu thể dục - thể thao cấp xã, đảm bảo các xã nông thôn mới đều có sân thể thao.

### *3.2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của các làng văn hoá du lịch cộng đồng*

Xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng gắn với xây dựng nông thôn mới, đẩy mạnh hoạt động quảng bá và xúc tiến phát triển làng văn hóa du lịch cộng đồng, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của đảng, nhà nước thông qua các hội nghị, hội thảo, trên các phương tiện thông tin truyền hình, phát thanh, trang thông tin điện tử,... để các ngành, địa phương và tổ chức cá nhân nhận thức rõ về vai trò, trách nhiệm và lợi ích trong việc xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng.

Vận dụng các chính sách, cơ chế thuận lợi để khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng. Nhằm khôi phục, giữ lại nét riêng và phát huy giá trị văn hóa của làng văn hóa du lịch cộng đồng được đầu tư xây dựng. Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Hội Nghệ nhân dân gian, lấy Hội làm nòng cốt trong công tác bảo tồn những giá trị di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn; tập trung bảo tồn có chọn lọc những nét tinh hoa trong văn hóa truyền thống để làm tổ chất phát triển du lịch cộng đồng. Du lịch cộng đồng phải do chính người dân tham gia hoạt động cùng sự hỗ trợ ban đầu của nhà nước.

### *3.2.4. Nâng cao chất lượng của các dịch vụ du lịch*

Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ nâng cao chất lượng nhân lực phục vụ du lịch cho thuyết minh viên, hướng dẫn viên và nghiệp vụ du lịch khác cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm việc tại các đơn vị kinh doanh du lịch, dịch vụ phục vụ khách du lịch; các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức cũng như các kiến thức du lịch cộng đồng cho người dân ở tại các khu, điểm du lịch.

Phát triển, mở rộng các sản phẩm du lịch, tiếp tục nâng cao hiệu quả khai thác các sản phẩm du lịch thể mạnh hiện có đảm bảo tính ổn định, bền vững và ngày càng phát triển. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch, phát triển, mở rộng các loại hình du lịch; phát triển du lịch phải gắn với việc tạo công ăn việc làm, có sự tham gia của người dân địa phương. Khảo sát đầu tư, nâng cấp, tôn tạo và công nhận, mở các tuyến,



điểm tham quan, du lịch mới; tổ chức quản lý, khai thác có hiệu quả các loại hình tiềm năng như: Du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh, du lịch sinh thái,...

### *3.2.5. Xây dựng các sản phẩm du lịch phục vụ khách du lịch*

Phát huy, tập trung phát triển những sản phẩm du lịch làng văn hóa du lịch cộng đồng đa trải nghiệm (Đồng Văn); du lịch mạo hiểm khám phá và chinh phục thiên nhiên hùng vĩ, những lễ hội còn nguyên vẹn các giá trị văn hoá bản địa với tìm hiểu các giá trị địa chất đặc biệt kỳ thú của Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn gắn với hoạt động thể thao: chèo thuyền kayak, dù lượn, leo núi... dưới nhiều hình thức phù hợp với khu vực địa hình núi cao tỉnh Hà Giang; du lịch tâm linh (mặt trận phía Tây Vị Xuyên); các khu vui chơi giải trí tại Thành phố Hà Giang.

## **3.3. Giải pháp**

### *3.3.1. Tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý*

Các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp (nhất là cấp cơ sở) phải nhận thức đầy đủ về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với công tác bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống, xây dựng thiết chế văn hóa cơ sở, phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đẩy mạnh tuyên truyền và thực hiện nếp sống văn minh trong lễ hội, làm cho lễ hội thật sự trở thành ngày hội văn hóa của nhân dân, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - văn hóa của địa phương.

Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ nhằm kịp thời phát hiện, uốn nắn và xử lý vướng mắc trong tổ chức thực hiện.

Triển khai thực hiện Chương trình số 29-CT/TU ngày 24/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 331/KH-UBND ngày 8/8/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/1/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; Đề án đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào trường học; thực hiện có hiệu quả các quy hoạch, kế hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình; hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch xây dựng nông thôn mới đến năm 2020; Phát huy vai trò của Hội nghệ nhân dân gian, Hiệp hội du lịch Hà Giang... Tham mưu trình tỉnh ban hành hướng dẫn tổ chức lễ hội trên địa bàn toàn tỉnh.

Định kỳ hàng năm tổ chức đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đồng thời đánh giá các chương trình, đề án của tỉnh, của huyện đã ban hành về lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình và đề xuất nhiệm vụ giải pháp trong giai đoạn tiếp theo.

### *3.3.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức*

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Thực hiện có hiệu quả đề án vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.



Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực thi công vụ, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và xử lý nghiêm các sai phạm theo qui định.

#### **4.3. Đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động**

Tiếp tục đổi mới hình thức, biện pháp, cách thức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho nhân dân, nhất là đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn những kiến thức về văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình.

Đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình ngay từ thôn, bản. Xây dựng, hoàn thiện các thiết chế văn hóa bằng giải pháp đẩy mạnh việc xã hội hóa, hợp tác công tư.

Tổ chức thường xuyên, chất lượng hơn các hoạt động văn hóa cơ sở; phát huy vai trò của Hội nghệ nhân dân gian trong công tác bảo tồn văn hóa truyền thống và thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.

Tập trung xây dựng các sản phẩm phục vụ cho du lịch, các sản phẩm hàng hóa lưu niệm địa phương, xây dựng các sản phẩm lễ hội du lịch; nâng cao chất lượng phục vụ của các cơ sở lưu trú du lịch, tăng cường công tác quảng bá xúc tiến hợp tác phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.

##### **3.3.4. Ưu tiên nguồn lực tài chính, ban hành cơ chế chính sách phù hợp**

Ưu tiên nguồn lực tài chính, lồng ghép các nguồn lực, hợp tác công tư... cho đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch.

Tăng cường vai trò tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp trong lĩnh vực hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch.

Rà soát các cơ chế, chính sách hiện có, tiếp tục xây dựng tỉnh cấp thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách đủ mạnh nhằm khuyến khích các tổ chức cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp văn hóa, thể thao, du lịch trên địa bàn.

##### **3.3.5. Đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch**

Tăng cường tính chủ động tìm kiếm, huy động sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư cơ sở vật chất cho lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch.

Huy động nguồn lực nhân dân để xây dựng các nhà văn hóa xã, thôn, bản.

Đề xuất bổ sung các quy định về công tác phụ trách, hỗ trợ, đỡ đầu giữa các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế... với các xã đặc biệt khó khăn nhằm hỗ trợ xây dựng các thiết chế văn hóa, bảo tồn văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch.

### **4. Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội**

#### **4.1. Mục tiêu**

##### **4.1.1. Về giảm nghèo**

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân trên 4%/năm, riêng các huyện, xã nghèo giảm trên 6%/năm theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020; hạn chế thấp nhất tình trạng tái nghèo.



- Cải thiện sinh kế và nâng cao chất lượng cuộc sống của người nghèo, bảo đảm thu nhập bình quân đầu người của hộ nghèo tăng lên 2 lần so cuối năm 2015.

- Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả cơ chế, chính sách giảm nghèo để cải thiện điều kiện sống của người nghèo và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như chính sách phát triển sản xuất, đất sản xuất; chính sách tín dụng ưu đãi; chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế; giáo dục và đào tạo; nhà ở; nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin; giảm nghèo gắn với an ninh quốc phòng...

- Giải quyết một cách cơ bản về cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở các huyện, nghèo, xã nghèo, thôn, bản đặc biệt khó khăn theo tiêu chí nông thôn mới, trước hết là hạ tầng thiết yếu như giao thông, điện, nước sinh hoạt.

#### *4.1.2. Về đào tạo nghề*

Tuyển mới, đào tạo (cả 3 cấp trình độ) cho 61.000 lao động. Bình quân mỗi năm đào tạo khoảng 12.200 lao động, trong đó trình độ cao đẳng 1000 lao động, trình độ trung cấp 5000 lao động, trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng 55.000 lao động (số lao động được hỗ trợ chi phí học nghề là 50.000 người). Tỷ lệ lao động có việc làm sau khi được đào tạo nghề tối thiểu chiếm 80%. Phần đầu hết năm 2020 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 55%.

#### *4.1.3. Về xuất khẩu lao động*

Phần đầu thực hiện giai đoạn từ 2016 - 2020 đưa trên 1.000 lao động đi xuất khẩu lao động có thời hạn ở nước ngoài. Đẩy mạnh công tác tư vấn, tuyên truyền và đưa người lao động sang Trung Quốc làm việc theo các thỏa thuận ký kết.

### **4.2. Giải pháp**

#### *4.2.1. Về giảm nghèo*

- Tiếp tục quán triệt Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Chính phủ và các chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội và Giảm nghèo, đặc biệt là Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020; Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19/5/2011 của Chính phủ, về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ từ năm 2011 đến năm 2020; Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI; Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, các chính sách giảm nghèo của Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020; Trên cơ sở đó xây dựng Nghị quyết của Tỉnh ủy, Chương trình, Kế hoạch tổ chức thực hiện của UBND tỉnh về giảm nghèo<sup>5</sup>, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động, giải pháp chi tiết đến từng lĩnh vực, từng xã, thôn bản và hộ nghèo, đảm bảo tạo điều kiện để các hộ nghèo đều có điều kiện phát triển sản xuất, ổn định đời sống, thoát nghèo bền vững. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo

<sup>5</sup> Nghị quyết về tiếp tục thực hiện Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của BCH Đảng bộ tỉnh khoá XVI về tăng cường Lãnh đạo thực hiện Chương trình Giảm nghèo nhanh và bền vững giai đoạn (2016- 2020)...



duy trì sự phát triển và khai thác tốt các dự án giảm nghèo đã triển khai giai đoạn 2011 - 2015, đặc biệt là thực hiện tốt đề án 30a đối với 6 huyện nghèo.

- Tập trung huy động mọi nguồn lực để thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững theo lộ trình hàng năm và cả giai đoạn. Ưu tiên nguồn lực cho các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, gắn mục tiêu giảm nghèo với xây dựng nông thôn mới: Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn của CTMTQG giảm nghèo và các chương trình, dự án hỗ trợ có liên quan đến công tác giảm nghèo trên địa bàn; vốn ngân sách địa phương cân đối; huy động sự tham gia của các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp, tổng công ty trong và ngoài tỉnh; huy động sự đóng góp của nhân dân. Tạo cơ chế thuận lợi để các tổ chức quốc tế đầu tư vào các lĩnh vực giảm nghèo, tạo việc làm, đặc biệt là hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Thực hiện triệt để cơ chế phân cấp, trao quyền cho cơ sở, xác lập cơ chế hỗ trợ đầu tư về tài chính; trên cơ sở tổng nguồn lực được giao, các huyện, thành phố chủ động bố trí ngân sách, chỉ đạo xây dựng kế hoạch giảm nghèo cụ thể để giải quyết những nhu cầu cấp thiết theo những mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động giảm nghèo từ việc xác định đối tượng thụ hưởng đến việc lập kế hoạch, triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả. Chuyển nhanh phương thức hỗ trợ từ cho không sang hỗ trợ có điều kiện, hỗ trợ có thu hồi luân chuyển nhằm bảo toàn nguồn vốn, tăng cơ hội tiếp cận chính sách và khuyến khích sự tích cực, chủ động tham gia của người nghèo, chống tư tưởng trông chờ ỷ lại, đảm bảo tính bền vững trong giảm nghèo.

- Về phân bổ nguồn lực: Bảo đảm công khai, minh bạch và tập trung vào các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nghèo trọng điểm, ưu tiên theo hình thức cuốn chiếu, bảo đảm đủ mức đầu tư, hỗ trợ để phát huy nhanh hiệu quả, không dàn trải; Việc phân bổ phải dựa trên hệ thống tiêu chí cụ thể cho từng loại đối tượng và từng chính sách, đề án một cách tối ưu nhất.

Nghiên cứu ban hành chính sách khuyến khích hộ nghèo, xã nghèo, huyện nghèo vươn lên thoát nghèo thông qua hình thức tăng thêm nguồn lực đối với những địa bàn thực hiện tốt; cắt giảm các huyện xã thực hiện đạt hiệu quả thấp; Không ban hành các chính sách hỗ trợ sinh kế bình quân, dàn trải mà chỉ hỗ trợ thông qua các mô hình sinh kế cho hộ nghèo do cấp xã, thôn, tổ, nhóm làm chủ.

- Về giám sát, quản lý sử dụng nguồn lực: Bảo đảm tính dân chủ, công khai, thực hiện nguyên tắc “Dân cần, dân biết, dân bàn, dân đóng góp, dân làm, dân kiểm tra và dân thụ hưởng” trong quản lý và sử dụng nguồn lực gắn với thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Thiết lập quy trình giám sát và hệ thống chỉ tiêu theo dõi chặt chẽ bảo đảm vốn được sử dụng “đúng mục tiêu, đúng đối tượng, có hiệu quả, không thất thoát”. Trong xây dựng cơ sở hạ tầng phải thực hiện nguyên tắc “xã có công trình, dân có việc làm và thu nhập, nhà nước chỉ hỗ trợ hiện vật là chính”.

Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện dự án đối với các cơ quan chủ trì các dự án nhằm đảm bảo nguồn vốn đầu tư phải đem lại kết quả tương xứng với mục tiêu giảm nghèo.



- Từng bước nâng cao năng lực tổ chức triển khai thực hiện của đội ngũ cán bộ cấp xã, đảm bảo thực hiện hiệu quả các chương trình dự án về giảm nghèo tại địa phương cơ sở.

- Tăng cường vai trò lãnh chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền đối với công tác giảm nghèo bền vững; Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, sự tham gia của chính người nghèo trong công cuộc giảm nghèo chung của toàn xã hội. Thường xuyên tổ chức đối thoại chính sách với người dân để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

- Tiếp tục vận động và kêu gọi các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, doanh nghiệp các nhà hảo tâm hỗ trợ giúp đỡ các huyện nghèo 30a.

- Kiện toàn và củng cố Ban chỉ đạo giảm nghèo các cấp; đề xuất hình thành đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo chuyên trách hoặc đội ngũ cộng tác viên giảm nghèo cấp xã đối với những xã có tỷ lệ hộ nghèo cao để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo nhanh và bền vững.

#### 4.2.2. Về đào tạo nghề

- Tiếp tục quán triệt Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, Chính phủ và các chính sách của Nhà nước về công tác giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”; Quyết định số 971/QĐ-TTg ngày 1/7/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; Nghị quyết Đại hội Đại biểu tỉnh Đảng bộ lần thứ XVI. Phối hợp tốt với các cấp các ngành tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Kế hoạch, Đề án của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh đã ban hành về Giáo dục nghề nghiệp<sup>6</sup>.

- Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đồng bộ cho các trường đào tạo các nghề trọng điểm. Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu cho các ngành nghề mới và các nghề hiện đang đào tạo nhưng chưa đủ trang thiết bị cho các cơ sở GDNN.

- Xác định được nhu cầu học nghề của lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp và thị trường lao động, trên cơ sở đó xác định danh mục nghề đào tạo, mức chi phí đào tạo của từng nghề để xây dựng kế hoạch đào tạo nghề hàng năm cho phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, với quy hoạch tổng thể ngành.

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản lý dạy nghề; năng lực giảng dạy, kỹ năng nghề của giáo viên. Xây dựng, chỉnh sửa chương trình, giáo trình phù hợp với thực tiễn sản xuất địa phương, doanh nghiệp và nhận thức của người học; tập

<sup>6</sup> Đề án nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020; Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016-2020; Chương trình hành động của Tỉnh uỷ về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nhân lực có tay nghề cao; Chương trình hành động nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với giải quyết việc làm; Đề án tổ chức lại đơn vị sự nghiệp ...



trung vào những nội dung mới, rèn luyện tính kỷ luật, đạo đức, tác phong lao động, kỹ năng thực hành theo yêu cầu của thị trường lao động. Lồng ghép các nội dung về văn hóa nghề, kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo. Đổi mới phương pháp dạy nghề hệ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng cho lao động nông thôn.

- Liên kết đào tạo với các tỉnh, các trường có chất lượng cao, các tổ chức quốc tế, ASEAN, Trung Quốc...Phối hợp, liên kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất để các chuyên gia, thợ bậc cao của doanh nghiệp tham gia vào xây dựng mới, chỉnh sửa chương trình và tham gia giảng dạy; tổ chức cho giáo viên, học sinh, sinh viên đi thực hành tại doanh nghiệp sẽ giúp cho giáo viên và học sinh, sinh viên được tiếp cận với kiến thức, kỹ năng và thiết bị công nghệ mới.

- Thực hiện quyết liệt công tác quản lý, kiểm tra, giám sát ở tất cả các cấp đối với công tác đào tạo và các cơ sở đào tạo.

#### 4.2.3. Về việc làm và xuất khẩu lao động

- Tiếp tục phối hợp với các ngành, UBND các huyện, Thành phố tham mưu cho tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, đưa lao động đi làm việc ngoài tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài nói chung và xuất khẩu lao động theo Chương trình xuất khẩu lao động tại Quyết định 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ.

- Triển khai và thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động theo Nghị quyết số 47/2012/NQ-HĐND ngày 14/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Cùng với việc đưa lao động đi xuất khẩu lao động cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn và cung ứng lao động sang làm việc tại Châu Văn Sơn, Trung Quốc theo nội dung "*Thỏa thuận về quản lý lao động qua biên giới*" giữa UBND tỉnh Hà Giang, Việt Nam và Châu Văn Sơn; Quảng Tây, Trung Quốc.

Trên đây là Kế hoạch tổng thể thực hiện các giải pháp khắc phục những hạn chế yếu kém trong lĩnh vực văn hoá - xã hội nêu tại báo cáo chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2015 - 2020) của UBND tỉnh. Các sở, ngành: Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lao động Thương binh và Xã hội; UBND các huyện, thành phố căn cứ chức năng nhiệm vụ chủ động tổ chức triển khai thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh phụ trách;
- Các Sở: Giáo dục & ĐT, Y tế, Văn hóa TT&DL, Lao động TB&XH;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, KGVX.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Đức Quý